

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù tạo nguồn lực
xây dựng thành phố Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây
dựng thành phố Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù tạo nguồn lực xây dựng thành phố Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách.

Điều 2. Cơ chế, chính sách hỗ trợ từ tiền sử dụng đất

1. Ngân sách thành phố hưởng 100% đối với tiền sử dụng đất tại các khu vực sau:

a) 03 khu hạ tầng dân cư (Đông Bàu Rạ; Phía Nam đường Nguyễn Du, phường Thạch Quý; Tổ 4, Tổ 7 phường Hà Huy Tập); hạ tầng các khu tái định cư phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh; các khu hạ tầng sử dụng vốn vay Bộ Tài chính (tại Quyết định số 1083/QĐ/UBND ngày 24 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh);

b) Một số khu đất nằm xen lẫn trong các khu dân cư được quy hoạch đất ở để thực hiện chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng phục vụ nhu cầu ở (tổng diện tích các khu đất dự kiến không quá 50 ha);

c) Một số khu đất được quy hoạch đất ở gắn với các tuyến đường trục chính đô thị, kết nối giữa khu vực trung tâm với các phường, xã vùng ven này (tổng diện tích các khu đất dự kiến không quá 50 ha).

2. Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách thành phố 45%; ngân sách phường, xã 5% đối với nguồn thu tiền đất phát sinh từ các dự án do các tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật làm chủ đầu tư (sau khi trừ chi phí đầu tư) và các khu đất giao cho nhà đầu tư xây dựng dự án đô thị trên địa bàn thành phố.

3. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất các quỹ đất còn lại, sau khi trừ chi phí đầu tư (bao gồm bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng):

a) Phát sinh trên địa bàn xã: ngân sách tỉnh 10%, ngân sách thành phố 80%, ngân sách xã: 10%;

b) Phát sinh trên địa bàn phường: ngân sách tỉnh 30%, ngân sách thành phố 65%, ngân sách phường 5%.

Điều 3. Cơ chế, chính sách hỗ trợ về tài chính - ngân sách

1. Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thành phố 50% đối với nguồn thu từ việc bán các trụ sở do cấp tỉnh quản lý (bao gồm cả tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên khu đất đó) thuộc địa bàn thành phố.

2. Ưu tiên bố trí tối thiểu 150 tỷ đồng/năm trong dự toán chi ngân sách tỉnh giao hàng năm (ngoài số kinh phí đã được đảm bảo định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định) để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trên địa bàn, kiến thiết thị chính, môi trường, văn hóa, phát triển đô thị.

3. Hỗ trợ lại cho thành phố phần ngân sách tỉnh được hưởng từ số vượt thu ngân sách (nếu có) so với kế hoạch của tỉnh giao thành phố thu hàng năm và xem xét hỗ trợ một phần vượt thu ngân sách tỉnh khi có điều kiện.

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Đối với tiền sử dụng đất quy định tại Điều 2, khoản 1 Điều 3: thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với nguồn ngân sách hỗ trợ thêm cho thành phố quy định tại khoản 2 Điều 3: được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh.

3. Đối với nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho thành phố quy định tại khoản 3 Điều 3: thực hiện cấp hỗ trợ cho ngân sách thành phố trong điều kiện đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức xây dựng danh mục các tuyến đường trục chính (tại điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này), danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, dự kiến lộ trình, nguồn lực thực hiện; thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh và các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này đảm bảo các quy định pháp luật;

c) Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại các Kỳ họp thường kỳ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XVIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng